

DẪN LIỆU BƯỚC ĐẦU VỀ THÀNH PHẦN LOÀI VÀ PHÂN BỐ CỦA LƯƠNG CƯ, BÒ SÁT Ở KHU DU LỊCH SINH THÁI SUỐI VOI, XÃ LỘC TIẾN, HUYỆN PHÚ LỘC, THỪA THIÊN HUẾ

Võ Đình Ba^{1*}, Nguyễn Thành Luân², Phạm Min¹, Phan Thị Minh Thi¹, Lê Thị Xuân Hòa¹

¹Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế

²Chương trình bảo tồn rùa Châu Á tại Việt Nam

*Email: vodinhba@yahoo.com

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu bước đầu đã xác nhận có 32 loài lưỡng cư và bò sát thuộc 27 giống, 13 họ phân bố tại khu vực Suối Voi. Trong đó, loài *Physignathus cocincinus* có tên trong Sách đỏ Việt Nam (2007) ở mức VU (sẽ nguy cấp) và 2 loài đặc hữu là *Kurixalus banaensis*, *Cyrtodactylus pseudoquadrvirgatus*. Sinh cảnh suối từ đập nước Khe Mạ đến khe Đá Bàn là khu vực có ghi nhận số loài nhiều nhất tới 24 loài và sinh cảnh quanh khu du lịch chỉ ghi nhận 13 loài. Hoạt động du lịch là nguyên nhân chủ yếu gây nên sự khác biệt về phân bố của các loài lưỡng cư, bò sát ở Suối Voi.

Từ khóa: bò sát, lưỡng cư, Suối Voi.

1. MỞ ĐẦU

Khu du lịch Sinh thái Suối Voi nằm ở phía Tây Nam của huyện Phú Lộc, cách thành phố Huế khoảng 60 km về phía Nam và cách thành phố Đà Nẵng khoảng 40km về phía Bắc. Tâm điểm của khu du lịch là hệ thống suối bắt nguồn từ các khu rừng tự nhiên tiếp giáp với dãy Bạch Mã – Hải vân hùng vĩ. Từ năm 1994, khu du lịch Sinh thái này đã đi vào khai thác, song các hoạt động thương mại thiên nhiên chưa được khai thác, chú trọng.

Hệ thống suối, khe, các mảng rừng ở Khu du lịch sinh thái Suối Voi là nơi phân bố của nhiều loài động vật. Trong đó, lưỡng cư và bò sát (LCBS) là nhóm động vật có kích thước vừa và nhỏ nên chúng có thể thích ứng được với môi trường ẩm ướt và các khe hốc ven suối, khả năng ngụy trang tốt, di chuyển chậm... nên có thể vận dụng trong du lịch sinh thái, đáp ứng nhu cầu quan sát thiên nhiên nhưng chưa được nghiên cứu. Đề tài được thực hiện nhằm phát hiện những dẫn liệu mới cho khu hệ động vật, đồng thời góp phần phát triển các loại hình du lịch sinh thái thương mại thiên nhiên cho cộng đồng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu trên thực địa được tiến hành trong 3 đợt, cụ thể:

- Đợt 1: 06 - 09/6/2013

- Đợt 2: 13 - 16/3/2014

- Đợt 3: 19 - 22/3/2015

2.2. Địa điểm nghiên cứu

Các đợt điều tra, khảo sát được tiến hành ở Khu du lịch sinh thái Suối Voi, gồm: Cụm biệt thự, nhà nghỉ; hệ thống suối, khe đang dùng để khai thác hoạt động tắm suối và các bìa rừng tiếp giáp.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- *Thu thập mẫu vật*: Hầu hết mẫu vật được thu thập vào buổi tối. Tận dụng các đường mòn sẵn có dọc theo suối, các khe và rừng trồng để lập tuyến khảo sát. Một số loài thông thường, hoặc loài quý hiếm thì chỉ quan sát, đo đếm các chỉ số rồi trả lại hiện trường. Mẫu vật thu thập được gắn nhãn, trích mẫu mô để sử dụng cho nhiều mục đích về sau.

- *Phỏng vấn*: Đối tượng phỏng vấn là những người kinh doanh hoạt động du lịch sinh thái trên địa bàn. Phỏng vấn được thực hiện tại khu vực nghiên cứu. Nội dung: xác định sự có mặt của loài, xác định sự phân bố, kiểm tra độ thường gặp cũng như mức độ suy giảm số lượng loài, số lượng cá thể...

- *Định loại*: Định loại bằng phương pháp so sánh hình thái, sử dụng các tài liệu của Daversiky (1992) [2]; Đào Văn Tiến (1977, 1979) [3], [4]; Peng Gou et al. (2014) [5]; Orlov et al. (2005) [6]; Herbert et al. (2008) [7]; Smith (1935, 1943) [9], [10]. Tên khoa học, tên tiếng Việt, loài đặc hữu và hệ thống sắp xếp loài sử dụng theo tài liệu của Nguyen et al. (2009) [8].

- *Đánh giá độ thường gặp, độ quý hiếm*: Độ thường gặp cho biết mức độ tìm bắt gặp cá thể trong một đợt khảo sát, quy ước: + ít gặp (gặp 1-2 cá thể); ++: thường gặp (3-5 cá thể); +++: nhiều (5-10). Xác định mức độ quý hiếm, đe dọa của loài theo Sách đỏ Việt Nam 2007 [1].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Danh sách thành phần loài

Qua phân tích 150 mẫu vật và kết hợp kết quả quan sát trên thực địa, bước đầu chúng tôi đã xác định có 32 loài lưỡng cư, bò sát có mặt ở khu vực nghiên cứu (Bảng 1).

Bảng 1. Danh sách các loài lưỡng cư, bò sát ở Khu du lịch sinh thái Suối Voi

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Phân bố	Độ thường gặp
	Amphibia	Lớp Lưỡng cư		
1	<i>Duttaphrynus melanostictus</i> (Schneider, 1799)	Cóc nhà	1,2	++
2	<i>Ingerophrynus galeatus</i> (Gunther, 1864).	Cóc rừng.	2,3	++
3	<i>Leptobranchium banea</i> Lathrop, Murphy, Orlov & Ho, 1998.	Cóc mây BàNà.	1,2,3	+
4	<i>Ophryophryne hansi</i> Ohler, 2003.	Cóc núi Han Si.	2,3	++

5	<i>Microhyla fissipes</i> (Boulenger, 1884).	Nhái bầu hoa.	1,3	+
6	<i>Fejervarya limnocharis</i> (Gravenhost, 1829).	Ngoé	1,2,3	++
7	<i>Limnonectes kuhlii</i> (Tschudi, 1838)	Ếch trơn	2,3	++
8	<i>Limnonectes poilani</i> (Bourret, 1942).	Ếch Poi Lan	2,3	++
9	<i>Hylarana attigua</i> (Inger, Orlov & Darevsky, 1999)	Ếch at ti gua.	2,3	++
10	<i>Odorana</i> sp.	Ếch xanh	3	+
11	<i>Amolops ricketti</i> (Boulenger, 1899).	Ếch bám đá.	1,2,3	+++
12	<i>Rhacophorus annamensis</i> Smith, 1924	Ếch cây Trung bộ	3	+
13	<i>Rhacophorus orlovi</i> Ziegler & Kohler, 2001.	Ếch cây Ooc lóp.	1,2,3,4	++
14	<i>Rhacophorus calcaneus</i> Smith, 1924.	Ếch cây cựa.	1,2,3,4	++
15	<i>Kurixalus banaensis</i> (Bourret, 1939)	Nhái cây Bà Nà.	1,2,3,4	+++
16	<i>Ichthyophis bananicus</i> Yang, 1984.	Ếch giun	3,4	+
Reptilia		Bò Sát		
17	<i>Physignathus cocincinus</i> Cuvier, 1829.	Rồng đất.	1,2,3,4	++
18	<i>Acanthosaura nataliae</i> Orlov, Nguyen & Nguyen, 2006	Ô rô Natalia	3,4	+
19	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier, 1829).	Ô rô vảy.	2,3,4	++
20	<i>Calotes versicolor</i> (Daudin, 1802).	Nhông xanh.	1	++
21	<i>Cyrtodactylus pseudoquadrivirgatus</i> Rosler, Vu, Nguyen, Ngo & Ziegler, 2008.	Thạch sùng ngón giả bốn vạch.	4	+++
22	<i>Eutropis multifasciata</i> (Kuhl, 1820)	Thằn lằn bóng hoa	1,4	+++
23	<i>Eutropis macularia</i> (Blyth, 1853)	Thằn lằn bóng đốm	1,4	+++
24	<i>Sphenomorphus indicus</i> (Gray, 1853)	Thằn lằn pheno Ấn Độ	1,4	++
25	<i>Tropidophorus cocincinensis</i> Dumeril & Bibron.	Thằn lằn tại Nam bộ	2,3	+
26	<i>Dibamus</i> sp.	Thằn lằn giun	4	+
27	<i>Lycodon</i> sp.	Rắn khuyết	4	+
28	<i>Hebius leucomystax</i> (David, Bain, Nguyen, Orlov, Vogel, Vu & Ziegler, 2007)	Rắn sải mép trắng	2,3	+
29	<i>Ahaetulla prasina</i> (Reinhardt, 1827)	Rắn roi thường	3	+
30	<i>Psammodynastes pulverulentus</i> (Boie, 1827)	Rắn hổ đất nâu	3	+
31	<i>Oligodon cinereus</i> (Gunther, 1864).	Rắn khiếm xám	3	+
32	<i>Cryptelytrops albolabris</i> (Gray, 1842).	Rắn lục mép trắng	3,4	++

Phân bố: (1): khu biệt thự, nhà nghỉ; (2): suối, khe và bìa rừng ven suối đoạn có các lều, trại du lịch; (3): suối, khe và bìa rừng ven suối đoạn đập lấy nước Khe Mạ đến khe Đá Bàn (không có các lều, trại du lịch); (4): đường mòn trong rừng

3.2. Các loài lưỡng cư, bò sát quý hiếm và đặc hữu ở Khu du lịch sinh thái Suối Voi

Trong 32 loài chúng tôi ghi nhận được, có 2 loài đặc hữu của Việt Nam và một loài thuộc Sách đỏ Việt Nam 2007. Loài rồng đất (*Physignathus cocincinus*) nằm trong Sách đỏ Việt Nam ở mức VU (sẽ nguy cấp). Thực tế qua 3 lần khảo sát, chúng tôi chỉ bắt gặp những cá thể non và chưa trưởng thành. Theo thông tin phỏng vấn, loài này đang bị săn bắt ráo riết để làm thực phẩm và nuôi cảnh.

Hai loài đặc hữu của Việt Nam có ghi nhận tại Suối Voi là loài nhái cây Bà nà (*Kurixalus banaensis*) và loài thằn lằn ngón giả bốn vạch (*Cyrtodactylus pseudoquadrivirgatus*). Hai loài này có khu vực phân bố hẹp ở miền Trung nước ta và chưa được ghi nhận ở các nước lân cận.

3.3. Đánh giá sự phân bố của lưỡng cư, bò sát ở Khu du lịch Sinh thái Suối Voi

Kết quả nghiên cứu ở bảng 1 cũng cho thấy hầu hết các loài LCBS ở Suối Voi đều phân bố rộng, gặp ở nhiều kiểu sinh cảnh, chỉ có 8 loài bắt gặp ở một loại sinh cảnh. Tuy nhiên, hầu

hết các loài đã được phát hiện tại địa bàn nghiên cứu là những loài rộng sinh thái, điều này cho thấy tác động của hoạt động khai thác du lịch sinh thái đến sự phân bố của chúng. Nhận định này được củng cố khi đánh giá độ thường gặp, hầu hết các loài có phân bố ở đây đều ở mức ít, nghèo về trữ lượng, một số loài thân lùn kích thước nhỏ, không có giá trị thương phẩm, thích nghi với lối sống len lỏi ở các triền đá, khe hở mới có độ phong phú (một số loài thân lùn bóng). Một số loài có giá trị thương phẩm thì ít bắt gặp trên thực địa hoặc chỉ bắt gặp cá thể non như Rồng đất (*Physygnathus cocincinus*).

Từ bảng 1 đã thể hiện được các khe suối từ đập lấy nước phục vụ du lịch đến khe Đá Bàn là khu vực có nhiều loài phân bố nhất (24 loài); tiếp đến là khu vực rừng và suối quanh khu du lịch có ghi nhận 16 loài; khu biệt thự nhà nghỉ là nơi có số loài ghi nhận ít nhất 13 loài. Có 3 loài thuộc nhóm ếch cây và một loài bò sát được ghi nhận ở hầu hết các sinh cảnh gồm Ếch cây Ooc Lop (*Rhacophorus orlovi*), Ếch cây cựa (*Rhacophorus calcaneus*), Nhái cây Bà Nà (*Kurixalus banaensis*) và Rồng đất (*Physygnathus cocincinus*).

Những loài phân bố rộng ở hầu hết các sinh cảnh cũng chính là những loài có số cá thể xuất hiện nhiều nhất, ngoài 4 loài kể trên còn có một số loài như Cóc rừng (*Ingerophrynus galeatus*), Ếch bám đá (*Amolops ricketti*), Thân lùn ngón giả bốn vạch (*Cyrtodactylus pseudoquadrivirgatus*) là thường thấy ở khu vực này.

Nghiên cứu cho thấy sự thay đổi về thảm thực vật, chế độ dòng chảy ở các đoạn suối... tại khu vực khảo sát không lớn, do đó nguyên nhân chủ yếu gây nên sự khác biệt về phân bố của LCBS ở đây chủ yếu là do sự tác động của con người qua các hoạt động du lịch.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

1. Bước đầu ghi nhận 32 loài lưỡng cư, bò sát ở khu du lịch sinh thái Suối Voi, trong đó có 2 loài đặc hữu và 1 loài nguy cấp.

2. Hầu hết các loài ghi nhận được là những loài rộng sinh thái, trong đó có 4 loài ghi nhận ở tất cả các sinh cảnh trong khu vực đồng thời có số cá thể bắt gặp nhiều là Ếch cây Ooc Lop (*Rhacophorus orlovi*), Ếch cây cựa (*Rhacophorus calcaneus*), Nhái cây Bà Nà (*Kurixalus banaensis*) và Rồng đất (*Physygnathus cocincinus*).

3. Hoạt động du lịch là nguyên nhân chủ yếu gây nên sự khác biệt về phân bố của LCBS ở đây.

4.2. Kiến nghị

Có biện pháp thích hợp để có thể khai thác loại hình quan sát thiên nhiên, trong đó ngắm hoạt động của các loài LCBS là chủ yếu để thu hút sự chi trả của khách du lịch góp phần phát triển kinh tế địa phương và đáp ứng thị hiếu của du khách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007). *Sách Đỏ Việt Nam, Phần I – Động vật*. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.
- [2]. Darevsky Ilya S. (1992). Two new special of the Worm-like Lizard *Dibamus* (Sauria, Dibamidae), with Remarks on the Distribution and Ecology of *Dibamus* in Vietnam, *Asiatic Herperological Research*., Vol. 4: 1 – 12.
- [3]. Đào Văn Tiến (1977). Về định loại ếch nhái Việt Nam, *Tạp chí Sinh vật – Địa học*, XV(2), tr. 33-40.
- [4]. Đào Văn Tiến (1979). Về định loại thằn lằn Việt nam, *Tạp chí Sinh vật học*, I(1): 2 – 10.
- [5]. Peng Gou et al. (2014). A taxonomic revision of the Asian keelback snakes, genus *Amphiesma* (Serpentes: Colubridae: Natricinae), with description of a new species, *Zootaxa* 3873 (4): 425–440.
- [6]. Orlov Nikolai L., Nguyen Quang Truong and Nguyen Van Sang (2005). A new *Acanthosaura* allied to *A. capra* Gunther, 1861 from central Vietnam and Southern Laos, *Russian Journal of Herpetology* 13 (1):61-76.
- [7]. Herbert Rösler, Vu Ngoc Thanh, Nguyen Quang Truong, Ngo Van Tri and Thomas Ziegler (2008). A new *Cyrtodactylus* (Squamata: Gekkonidae) from central Vietnam, *Hamadrya*., Vol. 33, No.1: 48- 63.
- [8]. Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc, Nguyen Quang Truong (2009). *Herpetofauna of Vietnam*, Edition Chimara Frankfurt am Main, 768pp.
- [9]. Smith M. A. (1935). The Fauna of British India including Ceylon and Burma, *Reptilia and Amphibia. Vol. II. Sauria*, Taylor and Francis, London, 440 pp.
- [10]. Smith M. A. (1943). The Fauna of British India, Ceylon and Burma, *Reptilia and Amphibia. Vol. III. Serpentes*, Taylor and Francis, London, 583 pp.

**PRELIMINARY DATA ON THE DISTRIBUTION AND SPECIES COMPOSITION
OF REPTILES AND AMPHIBIANS IN SUOI VOI ECOLOGICAL TOURIST AREA IN
LOC TIEN COMMUNE, PHU LOC DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE**

Vo Dinh Ba ^{1*}, Nguyen Thanh Luan, Pham Min, Phan Thi Minh Thi¹, Le Thi Xuan Hoa¹

¹*Department of Biology, Hue University College of Sciences*

²*Asian Turtle Program*

**Email: vodinhba@yahoo.com*

ABSTRACT

*The preliminary results show that there are 32 species of herpetofauna belonging to 27 genera and 13 families which distribute in Suoi Voi. Of which, *Physignathus cocincinus* is listed in Viet Nam Red Book, 2007 (VU) () and *Kurixalus banaensis*, *Cyrtodactylus pseudoquadriangatus* are 2 endemic species (). The area from Khe Ma dam to Da Ban stream is the best habitat with 24 recorded species and 13 species are recorded around the tourist area . tourist activities are the main reasons of the difference from the distribution of Amphibians and Reptiles in Suoi Voi.*

Keywords: *amphibians, reptiles, Suoi Voi.*